

Số: 25/2025/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15,
được sửa đổi bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 143/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Về Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 199/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm d, đ khoản 9 Điều 31 và Điều 41 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Các Sở, ban, ngành, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước.
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường (gọi chung là cấp xã).
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguồn thu của ngân sách cấp tỉnh (bao gồm nguồn thu của ngân sách địa phương và phần ngân sách địa phương được hưởng đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương)

1. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%:

a) Thuế giá trị gia tăng từ doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh và các đơn vị khác do Thuế tỉnh quản lý (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng; thuế giá trị gia tăng thu từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã).

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu) từ doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh và các đơn vị khác do Thuế tỉnh quản lý.

c) Các khoản thuế thu nhập cá nhân của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân do Thuế tỉnh quản lý (không bao gồm khoản thu từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã và thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản do Thuế cơ sở quản lý tại địa bàn cấp xã; thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của doanh nghiệp, tổ chức do Thuế cơ sở quản lý khấu trừ và nộp ngân sách nhà nước theo quy định).

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh và các đơn vị khác do Thuế tỉnh quản lý (trừ khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh).

đ) Thuế tài nguyên từ doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh và các đơn vị khác do Thuế tỉnh quản lý (không bao gồm thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí; thuế tài nguyên thu từ sản phẩm rừng tự nhiên và tài nguyên khoáng sản của cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh).

e) Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên từ người nộp thuế không do Thuế tỉnh Tuyên Quang và Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh Tuyên Quang quản lý trực tiếp phát sinh số thu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

g) Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu) phần ngân sách địa phương được hưởng theo tỷ lệ phân chia khoản thu giữa ngân sách trung ương với ngân sách địa phương theo quy định của Trung ương.

h) Lệ phí các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu (không bao gồm lệ phí trước bạ).

i) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện (không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoản chi phí hoạt động); phí thu từ hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công thuộc cấp tỉnh quản lý nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật; số thu phí được khấu trừ và trích lại để bù đắp chi phí không thuộc phạm vi thu ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

k) Tiền cho thuê đất, tiền cho thuê mặt nước thu một lần cho cả thời gian cho thuê.

l) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước do cấp tỉnh quản lý.

m) Thu từ hoạt động xổ số.

n) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu.

o) Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

p) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định.

q) Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của trung ương và cơ quan nhà nước địa phương cấp phép (phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước).

r) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

s) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho cấp tỉnh.

t) Thu từ Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh.

u) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

v) Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh từ năm trước chuyển sang.

x) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do cấp tỉnh quản lý.

2. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã:

a) Thuế giá trị gia tăng thu từ doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh và các đơn vị khác do Thuế cơ sở quản lý tại

địa bàn cấp xã (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng).

b) Tiền sử dụng đất (trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý quy định tại điểm h khoản 1 Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước).

3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương.

Điều 4. Nguồn thu của ngân sách cấp xã (bao gồm nguồn thu của ngân sách địa phương và phần ngân sách địa phương được hưởng đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương)

1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:

a) Thuế giá trị gia tăng thu từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh tại địa bàn cấp xã (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng).

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh và các đơn vị khác do Thuế cơ sở quản lý tại địa bàn cấp xã.

c) Thuế thu nhập cá nhân thu từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã; thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản do Thuế cơ sở quản lý tại địa bàn cấp xã; Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của doanh nghiệp, tổ chức do Thuế cơ sở quản lý được doanh nghiệp, tổ chức khấu trừ và nộp ngân sách nhà nước theo quy định.

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh và các đơn vị khác do Thuế cơ sở quản lý tại địa bàn cấp xã; thu từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh tại địa bàn cấp xã (không kể khoản hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)).

đ) Thuế tài nguyên thu từ doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh và các đơn vị khác do Thuế cơ sở quản lý tại địa bàn cấp xã; thu từ sản phẩm rừng tự nhiên và tài nguyên khoáng sản của cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh tại địa bàn cấp xã.

e) Thuế sử dụng đất nông nghiệp.

g) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

h) Lệ phí trước bạ.

i) Lệ phí do cấp xã thực hiện thu.

k) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã thực hiện, số thu phí được khấu trừ và trích lại để bù đắp chi phí không thuộc phạm vi thu ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

l) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước do cấp xã quản lý.

m) Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

n) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp xã quyết định.

o) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.

p) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp xã theo quy định của pháp luật

q) Các khoản huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân gồm các khoản đóng góp theo quy định của pháp luật cho cấp xã.

r) Tiền cho thuê đất, tiền cho thuê mặt nước thu hằng năm.

s) Thu kết dư ngân sách cấp xã.

t) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã năm trước chuyển sang.

u) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý.

2. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này.

3. Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh.

Điều 5. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã

Chi tiết theo phụ lục kèm theo.

Điều 6. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp tỉnh quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật.

c) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội tại địa phương.

d) Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công

trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp mình và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp mình.

đ) Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, trưng dụng đất; chuẩn bị giải phóng mặt bằng, giải phóng mặt bằng các dự án do cấp tỉnh thực hiện.

e) Chi phí chuẩn bị, phê duyệt dự án đầu tư công do cấp tỉnh quản lý sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

g) Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án do cấp tỉnh quản lý.

h) Mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng do cấp tỉnh quản lý.

i) Hoạt động quy hoạch do cấp tỉnh thực hiện.

k) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh được phân cấp trong các lĩnh vực:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, gồm: Giáo dục phổ thông, bồi túc văn hóa, phổ thông dân tộc nội trú và các hoạt động giáo dục khác; đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp, giáo dục nghề nghiệp và các hình thức đào tạo, bồi dưỡng khác.

b) Sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gồm: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác.

c) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do cấp tỉnh thực hiện do ngân sách cấp tỉnh bảo đảm theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn hiện hành; hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách trung ương.

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, gồm: Hoạt động y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh; kinh phí đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế do cấp tỉnh thực hiện; vệ sinh an toàn thực phẩm, công tác dân số và gia đình và các hoạt động y tế khác do cấp tỉnh thực hiện.

đ) Sự nghiệp văn hóa thông tin, gồm: Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, trùng tu di tích lịch sử, lưu trữ lịch sử, các hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật và các hoạt động văn hóa, thông tin khác do cấp tỉnh thực hiện.

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình.

g) Sự nghiệp thể dục, thể thao, gồm: Bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác do cấp tỉnh thực hiện.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường, gồm: Các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường do cấp tỉnh thực hiện.

i) Các hoạt động kinh tế, gồm:

- Sự nghiệp giao thông, bao gồm các hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp tỉnh quản lý và hoạt động giao thông khác do đơn vị cấp tỉnh thực hiện.

- Sự nghiệp nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm các hoạt động phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi do các đơn vị cấp tỉnh thực hiện; xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác thuộc phạm vi cấp tỉnh quản lý.

- Sự nghiệp tài nguyên, bao gồm các hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên; công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành; lưu trữ hồ sơ địa chính và hoạt động quản lý tài nguyên khác thuộc phạm vi cấp tỉnh quản lý.

- Quy hoạch; xúc tiến đầu tư; thương mại, du lịch thuộc phạm vi cấp tỉnh quản lý.

- Chi thực hiện các chương trình, chính sách thuộc hoạt động kinh tế đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

- Các hoạt động kinh tế khác; hỗ trợ ngân sách cấp dưới thực hiện các nhiệm vụ về kinh tế theo quy định của pháp luật.

k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; hỗ trợ các tổ chức xã hội cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

l) Chi đảm bảo xã hội, gồm: Các cơ sở trợ giúp xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác do cấp tỉnh thực hiện; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật.

m) Các khoản chi thường xuyên của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật, bao gồm các khoản chi theo quy định tại điểm đ, e, g, h, i khoản 1 Điều này.

n) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh.

5. Chi viện trợ theo quy định của Chính phủ.

6. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ.

7. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

8. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.

9. Chi nộp trả ngân sách cấp trên.

10. Các khoản chi khác của cấp tỉnh theo quy định của pháp luật, bao gồm các khoản chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại điểm a, b, c, Khoản 5, Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

Điều 7. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp xã quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công.

b) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của cấp xã từ nguồn huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật và Luật Đầu tư công cho từng dự án nhất định, do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý.

c) Sử dụng vốn đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác phải bảo đảm trong khả năng cân đối ngân sách cấp xã và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm của ngân sách cấp xã.

d) Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, trưng dụng đất; chuẩn bị giải phóng mặt bằng, giải phóng mặt bằng các dự án do cấp xã thực hiện.

đ) Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án do cấp xã quản lý.

e) Mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng do cấp xã quản lý.

g) Hoạt động quy hoạch do cấp xã thực hiện.

h) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên ở cấp xã được phân cấp trong các lĩnh vực:

a) Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, gồm: Giáo dục tiểu học, phổ thông (bao gồm cả chi cho học sinh tại các trường dân tộc nội trú do cấp xã quản lý), nhà trẻ, mẫu giáo, giáo dục cộng đồng và các hoạt động giáo dục khác trên địa bàn cấp xã quản lý, giáo dục nghề nghiệp và các hình thức đào tạo, bồi dưỡng khác do cấp xã quản lý.

b) Sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, gồm: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác.

c) Chi thực hiện các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội do cấp xã thực hiện:

- Thực hiện chế độ, chính sách đối với lực lượng dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách xã theo quy định của Luật Dân quân tự vệ.

- Thực hiện chế độ cho lực lượng an ninh trật tự ở cơ sở theo quy định của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; hoạt động bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã.

- Đối với cấp xã biên giới: Nhiệm vụ quản lý, bảo vệ cột mốc và an ninh biên giới.

- Các hoạt động về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội của cấp xã theo phân cấp tại các quy định của pháp luật hiện hành.

d) Chi sự nghiệp y tế, gồm: Hỗ trợ phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn cấp xã; chi các hoạt động phòng, chống dịch theo phân cấp quản lý; chi thực hiện các chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do ngân sách nhà nước đóng hoặc hỗ trợ theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế cho các đối tượng do cấp xã quản lý; hoạt động dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh do cấp xã thực hiện.

đ) Các hoạt động văn hóa thông tin; phát thanh, truyền thanh; thể dục thể thao do cấp xã thực hiện.

e) Chi hoạt động bảo vệ môi trường do cấp xã thực hiện theo phân cấp quản lý.

g) Chi các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp xã quản lý:

- Sự nghiệp giao thông, bao gồm hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông đường bộ, đường thủy nội địa và hoạt động giao thông khác do cấp xã quản lý.

- Hoạt động kiến thiết thị chính: Điện chiếu sáng, duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp nước, thoát nước, công viên, cây xanh và các hoạt động kiến thiết thị chính khác giao cho cấp xã thực hiện theo phân cấp quản lý.

- Các hoạt động kinh tế khác do cấp xã thực hiện theo phân cấp quản lý.

h) Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; chi hỗ trợ cho các tổ chức xã hội cấp xã theo quy định của pháp luật.

i) Chi đảm bảo xã hội do cấp xã quản lý: Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc theo chế độ quy định (không kể trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc một lần cho cán bộ xã nghỉ việc từ ngày 01 tháng 01 năm 1998 trở về sau do Bảo hiểm xã hội chi trả); chi thăm hỏi các gia đình chính sách; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật; trợ giúp xã hội và công tác xã hội khác.

k) Các khoản chi thường xuyên của cấp xã theo quy định của pháp luật, bao gồm các khoản chi theo quy định tại điểm d, đ, e, g khoản 1 Điều này.

1) Các khoản chi thường xuyên khác ở xã theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

4. Chi nộp trả ngân sách cấp trên.

5. Các khoản chi khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật, bao gồm chi hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại tiết a, b, c, khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2025.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh;
- Các văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin và Công báo tỉnh Tuyên Quang;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Minh Xuân

Phụ lục

PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG PHẦN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC HƯỞNG

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NGUỒN THU (gồm nguồn thu của ngân sách địa phương và phần ngân sách địa phương được hưởng đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc Hội)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu		Ghi chú
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
I	CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC HƯỞNG 100%			
1	Thuế giá trị gia tăng (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng)			
a	Thuế giá trị gia tăng thu từ doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh và các đơn vị khác do Thuế tỉnh quản lý	100		
b	Thuế giá trị gia tăng thu từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã		100	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu)			
a	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh và các đơn vị khác do Thuế tỉnh quản lý	100		
b	Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh và các đơn vị khác do Thuế cơ sở quản lý tại địa bàn cấp xã		100	
3	Thuế thu nhập cá nhân			
a	Các khoản thuế thu nhập cá nhân của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân do Thuế tỉnh quản lý (không bao gồm khoản thu từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã và thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản do Thuế cơ sở quản lý tại địa bàn cấp xã; thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của doanh nghiệp, tổ chức do Thuế cơ sở quản lý khấu trừ và nộp ngân sách nhà nước theo quy định)	100		

STT	NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NGUỒN THU (gồm nguồn thu của ngân sách địa phương và phần ngân sách địa phương được hưởng đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc Hội)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu		Ghi chú
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
b	Thuế thu nhập cá nhân thu từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã; thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động chuyên nhượng bất động sản, nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản do Thuế cơ sở quản lý tại địa bàn cấp xã; Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công của doanh nghiệp, tổ chức do Thuế cơ sở quản lý được doanh nghiệp, tổ chức khấu trừ và nộp ngân sách nhà nước theo quy định		100	
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt (không kể thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu; hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có))			
a	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh và các đơn vị khác do Thuế tỉnh quản lý	100		
b	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh và các đơn vị khác do Thuế cơ sở quản lý tại địa bàn cấp xã; thu từ cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã		100	
5	Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí)			
a	Thuế tài nguyên thu từ doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; doanh nghiệp thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh và các đơn vị khác do Thuế tỉnh quản lý	100		
b	Thuế tài nguyên thu từ doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh và các đơn vị khác do Thuế cơ sở quản lý tại địa bàn cấp xã; thu từ sản phẩm rừng tự nhiên và tài nguyên khoáng sản của cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh có địa điểm kinh doanh trên địa bàn cấp xã		100	
6	Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên từ người nộp thuế không do Thuế tỉnh Tuyên Quang và Thuế cơ sở thuộc Thuế tỉnh Tuyên Quang quản lý trực tiếp phát sinh số thu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	100		
7	Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu)	100		
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		100	
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		100	
10	Lệ phí trước bạ		100	

STT	NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NGUỒN THU (gồm nguồn thu của ngân sách địa phương và phần ngân sách địa phương được hưởng đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc Hội)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu		Ghi chú
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
11	Lệ phí do các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu (không bao gồm lệ phí trước bạ)			
a	Do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu	100		
b	Do cấp xã thực hiện thu		100	
12	Phí do các cơ quan, đơn vị thuộc địa phương tổ chức thu (phần nộp ngân sách nhà nước)			Số thu phí được khấu trừ và trích lại để bù đắp chi phí không thuộc phạm vi thu ngân sách nhà nước và được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật
a	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, Thuế tỉnh thực hiện (không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động); phí thu từ hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công thuộc cấp tỉnh quản lý nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật	100		
b	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã, Thuế cơ sở thực hiện		100	
13	Tiền cho thuê đất, tiền cho thuê mặt nước			
a	Tiền cho thuê đất, tiền cho thuê mặt nước thu một lần cho cả thời gian cho thuê	100		
b	Tiền cho thuê đất, tiền cho thuê mặt nước thu hằng năm		100	
14	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			
a	Đối với nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp tỉnh quản lý	100		
b	Đối với nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp xã quản lý		100	
15	Thu hoạt động xổ số kiến thiết	100		
16	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu	100		
17	Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công			

STT	NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NGUỒN THU (gồm nguồn thu của ngân sách địa phương và phần ngân sách địa phương được hưởng đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc Hội)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu		Ghi chú
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
a	Do cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý, xử lý	100		
b	Do cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã quản lý, xử lý		100	
18	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật			
a	Do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định	100		
b	Do các cơ quan nhà nước cấp xã quyết định		100	
19	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		100	
20	Thu từ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp phép và cơ quan nhà nước địa phương cấp phép (phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước)	100		
21	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho địa phương theo quy định của pháp luật			
a	Đối với các khoản viện trợ cho cấp tỉnh	100		
b	Đối với các khoản viện trợ cho cấp xã		100	
22	Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật			
a	Các khoản huy động, đóng góp cho cấp tỉnh	100		
b	Các khoản huy động, đóng góp cho cấp xã		100	
23	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh	100		
24	Thu kết dư ngân sách			
a	Cấp tỉnh	100		
b	Cấp xã		100	
25	Thu chuyển nguồn của ngân sách địa phương từ năm trước chuyển sang			
a	Cấp tỉnh	100		
b	Cấp xã		100	

STT	NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NGUỒN THU (gồm nguồn thu của ngân sách địa phương và phần ngân sách địa phương được hưởng đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc Hội)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu		Ghi chú
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
26	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật			
a	Thu khác về thuế (kể cả tiền chậm nộp thuế và tiền chậm nộp các khoản khác theo quy định của pháp luật do ngành thuế quản lý)		100	
b	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa		100	
c	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	100		
d	Thu khác theo quy định của pháp luật theo từng cấp quản lý (kể cả tiền chậm nộp các khoản khác theo quy định của pháp luật do ngành khác quản lý)			
	Đối tượng nộp do cấp tỉnh quản lý	100		
	Đối tượng nộp do cấp xã quản lý		100	
27	Thu bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên			
a	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	100		
b	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh		100	
II	CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ			
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc khu vực công thương nghiệp, ngoài quốc doanh và các đơn vị khác do Thuế cơ sở quản lý tại địa bàn cấp xã (không bao gồm số thuế giá trị gia tăng được hoàn theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng).	50	50	
2	Tiền sử dụng đất (trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý quy định tại điểm h khoản 1 Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước)			
a	Tiền sử dụng đất			
	Giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định	70	30	
	Giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định		100	
	Các khoản thu tiền sử dụng đất còn lại		100	

STT	NGUỒN THU VÀ PHÂN CẤP NGUỒN THU (gồm nguồn thu của ngân sách địa phương và phần ngân sách địa phương được hưởng đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc Hội)	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu		Ghi chú
		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	
b	Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng nhà đầu tư tự nguyện ứng trước được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp theo quy định tại pháp luật về đất đai và ngân sách nhà nước	Phân chia 100% đối với cấp ngân sách phát sinh nguồn thu		